

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/DS-PT
Ngày: 27 - 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh L.

2- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Có mặt.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh L.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/7/2003. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Có mặt.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh L.

(Ông H, bà H là cha mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Ngày 30/6/2020 Âm lịch, bà và ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H có thỏa thuận chốt mua bán cà phê với số lượng là 59.984kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ với giá là 31.600 đồng/kg, thành tiền là 1.895.494.000 đồng. Ông H, bà H đã nhận đủ tiền, thỏa thuận cuối năm sẽ cân cà phê trả cho bà. Đến vụ cà phê năm 2020, bà có đến nhà Ông H, bà H cân cà phê để trừ nợ thì con trai của Ông H, bà H là anh Nguyễn Văn T có ghi lại các mã cân, tổng số lượng cà phê nhân mà bà cân và lấy của Ông H, bà H là 37.117,2kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ nhưng do cà phê của Ông H, bà H bị đen, mốc nên bà trừ độ đen đi thì xác định Ông H, bà H đã cân trả cho bà là 29.694kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ, còn lại 30.290kg cà phê nhân đến nay Ông H, bà H chưa thanh toán cho bà. Tuy nhiên, việc trừ độ đen này không có xác nhận của Ông H, bà H; bà có yêu cầu Ông H, bà H đối chiếu công nợ nhưng Ông H, bà H không đối chiếu. Việc trừ độ đen là những người làm ăn buôn bán đặt ra quy ước với nhau. Do vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Ông H, bà H phải trả cho bà số lượng cà phê nhân chưa thanh toán là 30.290kg loại Robusta đủ độ.

Ngày 20/9/2021, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Ông H, bà H cụ thể: Bà chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông H, bà H phải thanh toán cho bà số lượng cà phê nhân chưa thanh toán là 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ ẩm. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H trình bày:

Ngày 30/6/2020 Âm lịch, ông bà xác định có thỏa thuận mua bán cà phê với bà Đỗ Thị T với số lượng là 59.984kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ, với giá là 31.600 đồng/kg thành tiền là 1.895.494.000 đồng. Ông bà đã nhận đủ tiền, thỏa thuận cuối năm sẽ cân cà phê trả cho bà T. Đến vụ cà phê năm 2020, bà T có đến nhà ông bà cân cà phê thì con trai ông bà là anh Nguyễn Văn T có ghi lại các mã cân thì tổng số lượng cà phê nhân mà bà T cân và nhận của ông bà là 37.117,2kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông bà không đồng ý vì bà T tự ý cân cà phê của ông bà, làm ông bà không còn uy tín để làm ăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:

Việc mua bán cà phê giữa cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H với bà Đỗ Thị T như thế nào thì anh không biết. Vào mùa cà phê năm 2020, bà T có đến nhà cân cà phê để trừ nợ thì anh có ghi các mã cân từng ngày; tổng cộng bà T đã cân của cha mẹ anh là 37.117,2kg cà phê nhân loại Robusta đủ độ. Anh có ghi vào sổ của bà T và bà T cũng ghi xác nhận số lượng cà phê đã cân là 37.117,2kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ vào sổ cân cà phê của gia đình anh. Ngoài các lần cân cà phê đã ghi trong sổ thì bà T không đến nhà anh cân cà phê lần nào khác. Trong vụ án này, anh không có liên quan, anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với 7.423,2kg số lượng cà phê không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/10/2021 và ngày 03/11/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; không đồng ý trả cho bà T 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Nguyên đơn bà T không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông H, bà H, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tuấn không kháng cáo, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông H, bà H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà T khởi kiện và cho rằng giữa bà và Ông H, bà H có thỏa thuận việc mua bán 59.984kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ và Ông H, bà H đã nhận đủ số tiền 1.895.494.000 đồng. Ông H, bà H đã thanh toán cho bà được 37.117,2kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ. Còn lại 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ vẫn chưa thanh toán nên bà khởi kiện yêu cầu Ông H, bà H phải thanh toán cho bà số cà phê còn thiếu chưa thanh toán là 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ ẩm.

Còn Ông H, bà H thừa nhận giữa ông bà và bà T có thỏa thuận mua bán cà phê với số lượng là 59.984kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ, với giá là 31.600đ/kg thành tiền là 1.895.494.000đ như bà T trình bày là đúng. Ông bà đã nhận đủ tiền, thỏa thuận cuối năm sẽ cân cà phê trả cho bà T.

Đến vụ cà phê năm 2020, bà T có đến nhà ông bà cân cà phê thì con trai ông bà là anh Nguyễn Văn T có ghi lại các mã cân thì tổng số lượng cà phê nhân mà bà T cân của ông bà là 37.117,2 kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ. Do bà T tự ý đến cân cà phê của ông bà, làm ông bà không còn uy tín để làm ăn nên ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Llà có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Ông H, bà H:

Theo giấy mua bán cà phê ngày 30/6/2020 Âm lịch (bút lục số 32) thể hiện: Ông H, bà H có bán cho ông Liệu, bà T cà phê nhân đủ độ cà xô 2 tạp, tổng cộng

số cà phê nhân là 59.984kg và hạn cuối năm tháng 12 Âm lịch sẽ trả. Có chữ ký và chữ viết xác nhận của Ông H, bà H. Cả bà T và Ông H, bà H cũng thừa nhận số lượng cà phê nhân chốt nợ vào ngày 30/6/2020 Âm lịch là 59.984kg loại Robusta đủ độ, với giá 31.600đồng/kg tổng thành tiền là 1.895.494.000 đồng. Ông H, bà H cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền chốt bán cà phê nêu trên của bà T.

Như vậy, có căn cứ xác định vào ngày 30/6/2020 Âm lịch thì giữa bà T và Ông H, bà H có thỏa thuận việc mua bán cà phê với nhau là có trên thực tế, theo đó số lượng cà phê nhân được thỏa thuận để mua bán là 59.984kg loại Robusta đủ độ, với giá là 31.600đồng/kg, thành tiền là 1.895.494.000 đồng. Ông H, bà H đã nhận đủ số tiền chốt bán cà phê của bà T và Ông H, bà H cam kết cuối tháng 12/2020 Âm lịch sẽ trả.

[3] Theo cam kết thì cuối năm 2020 (tháng 12 Âm lịch), bà T đến nhà Ông H, bà H cân cà phê để trừ nợ thì con trai Ông H, bà H là anh Tuấn thừa nhận là người trực tiếp ghi lại tất cả các mã cân đồng thời Ông H, bà H cũng thừa nhận tổng số lượng cà phê nhân mà bà T cân của ông bà là 37.117,2 kg cà phê nhân loại Robusta. Đối chiếu số mã cân cà phê của gia đình Ông H, bà H trùng khớp với các mã cân tại các tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp. Phù hợp với biên bản lấy lời khai (bút lục số 38) của Tòa án nhân dân huyện L thể hiện Ông H, bà H chỉ đồng ý trả nợ cho bà T số lượng cà phê nhân còn nợ là 22.867kg cà phê nhân loại Robusta ($59.984\text{kg} - 37.117\text{kg} = 22.867\text{kg}$).

[4] Theo bản tự khai ngày 10/9/2021 của anh Nguyễn Văn T là con trai của Ông H, bà H (bút lục số 44) thì anh Tuấn cũng thừa nhận:

Vào năm 2020 Âm lịch, bà Đỗ Thị T có đến gia đình anh cân cà phê để trừ nợ thì anh trực tiếp ghi các mã cân từng ngày, tổng cộng bà T đã cân của gia đình anh là 37.117,2kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ. Anh có ghi vào sổ của bà T và bà T cũng ghi xác nhận số lượng cà phê đã cân là 37.117,2kg cà phê nhân loại Robusta đủ độ vào sổ cân cà phê của gia đình anh. Ngoài các lần cân cà phê đã ghi trong sổ của gia đình thì bà T không đến gia đình anh cân cà phê lần nào khác.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định, Ông H, bà H đã thanh toán cho bà T được 37.117kg cà phê nhân. Còn lại 22.867kg cà phê nhân chưa thanh toán. Việc Ông H cho rằng bà T tự ý lấy cà phê của gia đình ông nên gia đình ông chưa xác định số lượng là bao nhiêu, ông đề nghị làm rõ số lượng cà phê mà bà T đã tự ý lấy khi không có sự đồng ý của gia đình ông nhưng Ông H, bà H lại không cung cấp

được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T để buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với 7.423,2kg số lượng cà phê không đạt tiêu chuẩn chất lượng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ông H, bà H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T 22.866,8kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T đối với 7.423,2kg số lượng cà phê không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H phải chịu 38.891.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T 20.539.000đồng (hai mươi triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015258 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng mà Ông H, bà H đã tạm nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002690 và số 0002691 cùng ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông H, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện L(02);
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (03);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân